

# Chương 4

## PHÁP LUẬT HÀNH CHÍNH

- 1. Khái quát về pháp luật hành chính.**
- 2. Cơ quan hành chính nhà nước**
- 3. Quan hệ pháp luật hành chính**
- 4. Pháp luật xử lý vi phạm hành chính.**

# 1. KHÁI QUÁT VỀ PHÁP LUẬT HÀNH CHÍNH

# 1. Khái quát về luật hành chính

## a. Khái niệm Luật hành chính:

- Luật hành chính là 1 ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật Việt Nam bao gồm các quy phạm pháp luật
- Điều chỉnh những quan hệ xã hội phát sinh trong **quá trình tổ chức và thực hiện hoạt động chấp hành và điều hành** của CQNN có thẩm quyền, các tổ chức xã hội được Nhà nước trao quyền quản lý
- Trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội...

# 1. Khái quát về luật hành chính

## b. Đối tượng điều chỉnh:

là những quan hệ có nội dung cơ bản sau:

- Hoạt động quản lý nền kinh tế, văn hóa, khoa học, công nghệ, y tế, an ninh, trật tự, xã hội trên phạm vi cả nước, từng vùng địa phương hay từng ngành cụ thể.
- Hoạt động mà luật Hành chính điều chỉnh nhằm trực tiếp phục vụ nhu cầu về vật chất và tinh thần của người lao động.
- Hoạt động kiểm tra, giám sát đối với các cơ quan nhà nước trong quá trình thực hiện pháp luật của các cơ quan đó.
- Hoạt động xử lý các hành vi vi phạm trật tự quản lý hành chính nhà nước.
- Những quan hệ liên quan đến việc thành lập, cải tiến cơ cấu bộ máy, chế độ làm việc, hoàn chỉnh các quan hệ công tác của các cơ quan nhà nước

# 1. Khái quát về luật hành chính

## c. Phương pháp điều chỉnh:

có hai phương pháp cơ bản

+ Phương pháp hành chính - mệnh lệnh

+ Phương pháp thỏa thuận

# 1. Khái quát về luật hành chính

## d. Đặc trưng của QLHC NN

- Tính lệ thuộc vào chính trị và hệ thống chính trị
- Tính pháp quyền
- Tính phục vụ nhân dân
- Tính hệ thống thứ bậc chặt chẽ
- Tính chuyên môn hoá và nghề nghiệp cao
- Tính liên tục, tương đối ổn định và thích ứng

# 1. Khái quát về luật hành chính

## e. Các chế định cơ bản

- Chế định về cán bộ, công chức
- Quy chế về xử phạt vi phạm hành chính
- Xác định địa vị pháp lý của các cơ quan hành chính nhà nước
- Chế định về ban hành văn bản hành chính
- Tài phán hành chính



# 1. Khái quát về luật hành chính

## f. Nguồn của Luật hành chính

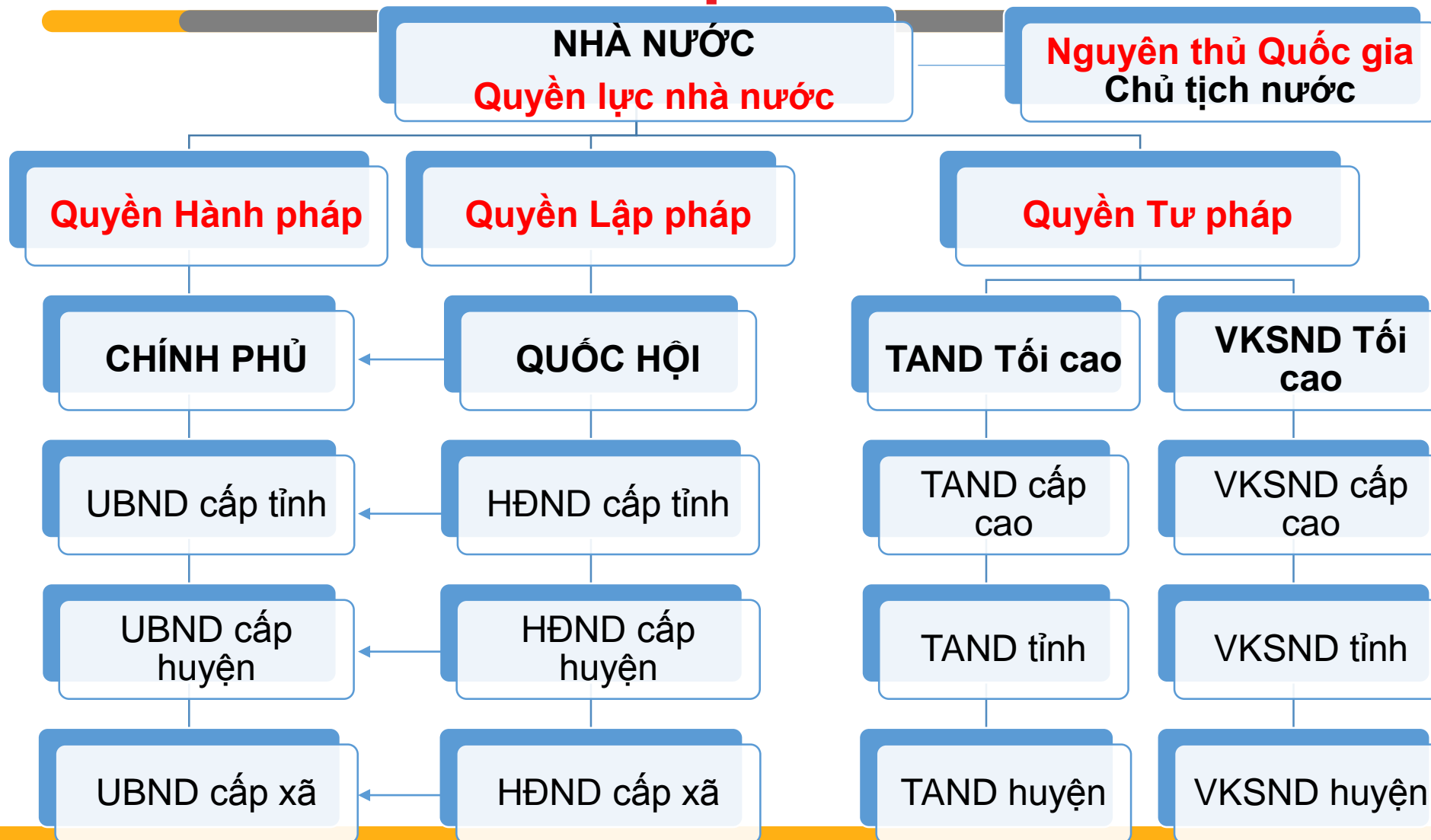
Là văn bản quy phạm pháp luật:

- Hiến pháp, Luật, Nghị quyết của Quốc hội
- Pháp lệnh của Chủ tịch nước, Nghị định của Chính phủ...

→ Không phải mọi văn bản đều là nguồn của luật hành chính, chỉ những văn bản nào chứa đựng quy phạm pháp luật hành chính mới là nguồn của luật hành chính.

## 2. CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

# BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM



## 2. Cơ quan hành chính nhà nước

### 2.1 Cơ quan hành chính nhà nước:

#### a. Khái niệm CQHCCNN

- ❖ CQHCCNN là cơ quan trong bộ máy nhà nước
- ❖ Thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước
- ❖ Thẩm quyền theo quy định của pháp luật

## 2. Cơ quan hành chính nhà nước

### 2.1 Cơ quan hành chính nhà nước:

#### b. Phân loại cơ quan hành chính

- + Theo địa giới hành chính: CQHC TW , CQHC địa phương
- + Theo thẩm quyền: CQHC có thẩm quyền chung: CP UBND các cấp; CQHC có thẩm quyền chuyên môn (Bộ, Sở, Phòng)

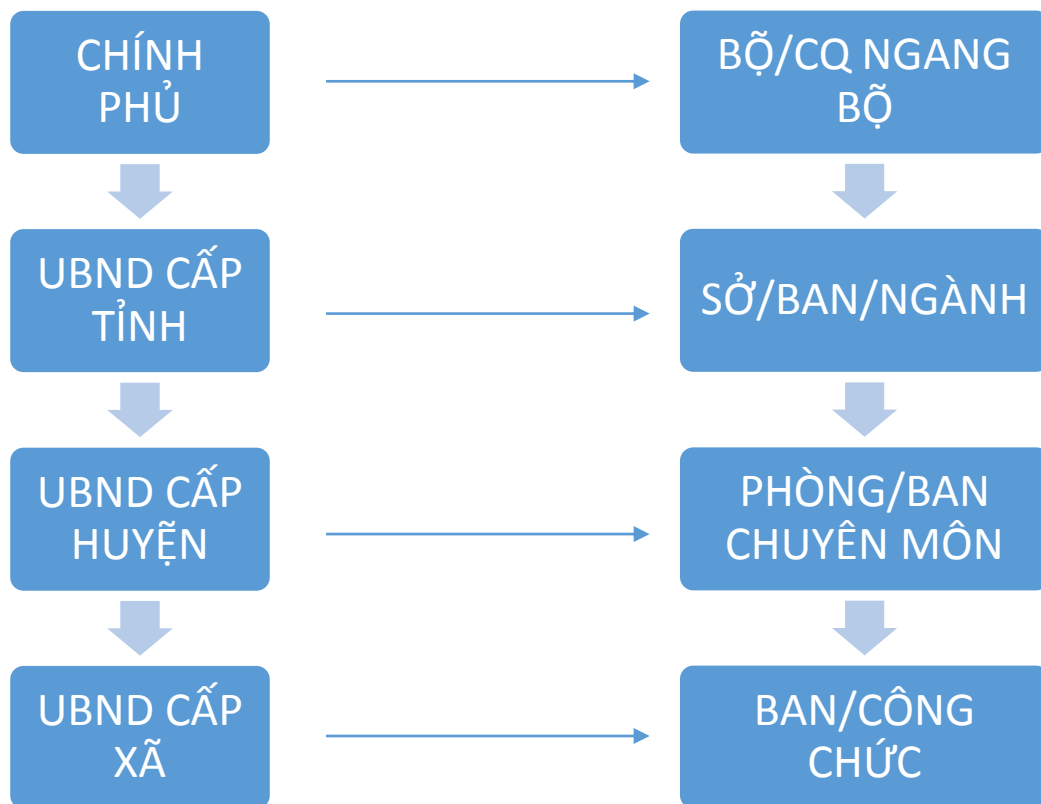
## 2. Cơ quan hành chính nhà nước

### 2.1 Cơ quan hành chính nhà nước:

#### c. Đặc điểm cơ quan hành chính

- Là một loại cơ quan trong BMNN.
- Hoạt động thường xuyên liên tục, có vị trí tương đối ổn định.
- Là cầu nối giữa đường lối, chính sách của Đảng, PL của Nhà nước vào cuộc sống.
- Được thành lập để thực hiện chức năng quản lý nhà nước.
- Là chủ thể cơ bản của luật hành chính

## 2. Cơ quan hành chính nhà nước



## 2. Cơ quan hành chính nhà nước

### 2.2 Người có thẩm quyền quản lý hành chính nhà nước:

#### Cán bộ là

- Công dân VN
- được **bầu cử**, phê chuẩn, bổ nhiệm, giữ chức vụ, chức danh **theo nhiệm kỳ**
- trong các cơ quan Đảng, NN, tổ chức C/trị - XH ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện
- trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách.  
(Đ4 K1 Luật CB-CC)

➔ CHỦ THỂ MANG QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC



## 2. Cơ quan hành chính nhà nước

### 2.2 Người có thẩm quyền quản lý hành chính nhà nước:

#### Công chức là

- công dân Việt Nam
- được **tuyển dụng**, bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ, chức danh trong cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị-XH ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện....
- trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách Nhà nước. (Đ4 K2 Luật Cán bộ, công chức)

➔ CHỦ THỂ MANG QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC

## 2. Cơ quan hành chính nhà nước

### 2.2 Người có thẩm quyền quản lý hành chính nhà nước:

#### **Viên chức là**

- công dân Việt Nam
- được **tuyển dụng** theo vị trí việc làm, làm việc
- tại **đơn vị sự nghiệp công lập** theo **chế độ hợp đồng làm việc**,
- hưởng lương từ **quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập** theo quy định của pháp luật. (Đ2 Luật Viên chức)

➔ CHỦ THỂ **KHÔNG** MANG QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC

### 3. QUAN HỆ PHÁP LUẬT HÀNH CHÍNH

## 3. Quan hệ pháp luật hành chính

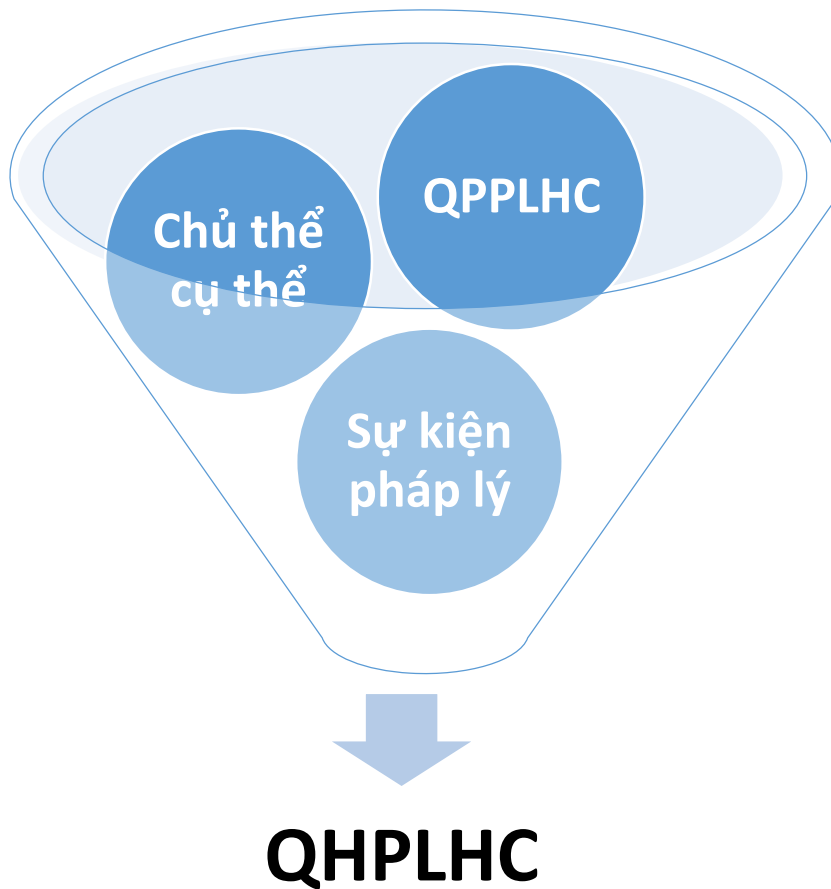
### 3.1 Khái niệm QHPL hành chính :

QHPL hành chính là các quan hệ quản lý phát sinh:

- Trong quá trình các CQHCCNN thực hiện hoạt động chấp hành – điều hành trên các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội.
- Trong quá trình các CQNN xây dựng và củng cố chế độ công tác nội bộ của cơ quan nhằm ổn định về tổ chức để hoàn thành chức năng, nhiệm vụ của mình.
- Trong quá trình các cá nhân và tổ chức được nhà nước trao quyền thực hiện hoạt động quản lý HC NN trong một số trường hợp cụ thể do pháp luật quy định.

## 3. Quan hệ pháp luật hành chính

### 3.2 Điều kiện xuất hiện quan hệ pháp luật hành chính:



## 3. Quan hệ pháp luật hành chính

### 3.3 Đặc điểm quan hệ pháp luật hành chính:

- Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia **luôn gắn với hoạt động chấp hành và điều hành của các cơ quan quản lý nhà nước.**
- QHPLHC có thể phát sinh do yêu cầu hợp pháp của bất kỳ bên nào (**không có thỏa thuận của bên kia**)
- Trong QHPLHC **có ít nhất 1 chủ thể mang quyền lực nhà nước**
- Tranh chấp phát sinh trong QHPLHC được giải quyết theo thủ tục pháp luật hành chính/Tòa án hành chính
- Bên vi phạm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước nhà nước

## 3. Quan hệ pháp luật hành chính

### 3.4 Các yếu tố cấu thành QHPL hành chính:

#### CHỦ THỂ

- Cá nhân, cơ quan, tổ chức
- CQNN, người có thẩm quyền, tổ chức xã hội được NN trao quyền

#### KHÁCH THỂ

- Trật tự quản lý hành chính nhà nước

#### NỘI DUNG

- Tổng hợp các quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong QHPLHC

## 3. Quan hệ pháp luật hành chính

### 3.4 Các yếu tố cấu thành QHPL hành chính:

#### Cá nhân

- Phải có năng lực chủ thể (NLPL+NLHV)
- Phải có năng lực chịu trách nhiệm hành chính

#### Tổ chức

- Có năng lực chủ thể và năng lực chịu trách nhiệm hành chính

#### Cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền

- Được pháp luật quy định có thẩm quyền.



## 4. PHÁP LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

# 4. Pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

## 4.1 Vi phạm hành chính:

### a. Khái niệm Vi phạm hành chính:

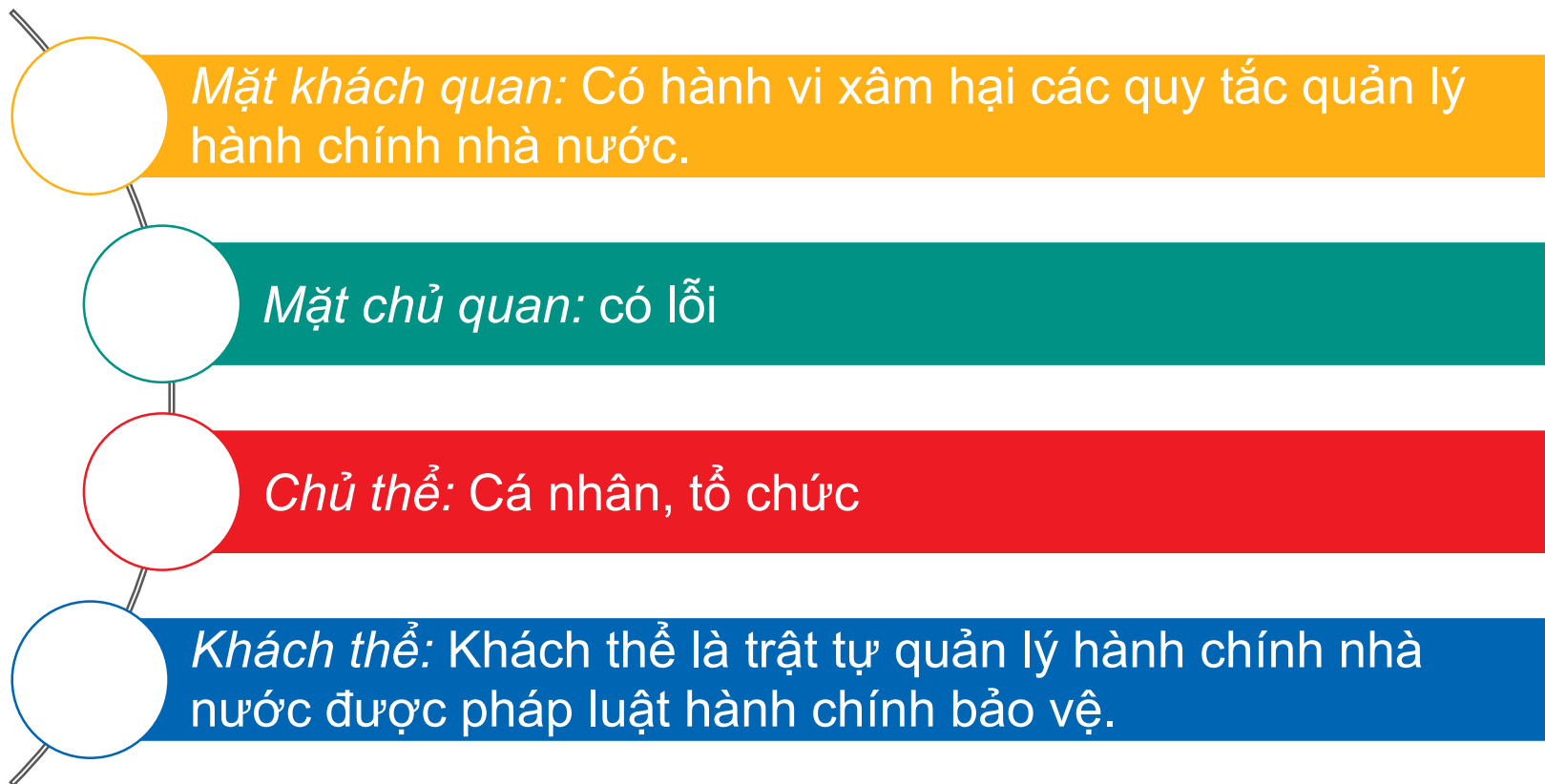
Vi phạm hành chính là hành vi

- Có lỗi
- Do cá nhân, tổ chức thực hiện,
- Vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm và
- Theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính. (Điều 2 Luật XLVPHC)

➔ xảy ra khá phổ biến trong đời sống XH, mức độ nguy hiểm thấp hơn so với hành vi VPPL hình sự.

## 4. Pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

### b. Các yếu tố cấu thành vi phạm hành chính



## 4. Pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

### c. Chủ thể của vi phạm hành chính (Điều 5)

#### Cá nhân (người):

- Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chịu trách nhiệm trong trường hợp thực hiện lỗi cố ý;
- Người từ 16 tuổi trở lên là chủ thể của vi phạm hành chính trong mọi trường hợp;

#### Cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, đơn vị kinh tế

- Phải chịu trách nhiệm về hành vi do cơ quan, tổ chức gây ra.

#### Quân nhân.

#### Cá nhân, tổ chức nước ngoài vi phạm hành chính tại Việt Nam.

## 4. Pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

### 4.2 Pháp luật xử lý vi phạm hành chính:

#### a. Khái niệm trách nhiệm hành chính :

- Trách nhiệm hành chính là loại trách nhiệm pháp lý
- Do các cơ quan nhà nước hay nhà chức trách có thẩm quyền
- Áp dụng đối với các chủ thể vi phạm hành chính.

## 4. Pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

### b. Đặc điểm pháp luật xử lý vi phạm hành chính

- Chỉ áp dụng đối với các cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính
- Được tiến hành bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc cá nhân, tổ chức được nhà nước trao quyền áp dụng
- Thực hiện theo trình tự, thủ tục do luật định
- Cơ sở pháp lý: Luật xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy phạm pháp luật khác.
- Kết quả xử lý là ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

## c. Các biện pháp xử lý vi phạm hành chính

**Xử phạt vi phạm hành chính (5)**

**Các biện pháp khắc phục hậu quả (10)**

**Các biện pháp xử lý hành chính (4)**

## 4. Pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

### d. Thời hiệu xử lý vi phạm hành chính

- Là khoảng thời gian cơ quan có thẩm quyền phải xử lý vi phạm hành chính. Nếu quá thời gian thì không được xử lý vi phạm nữa.
- Nếu cá nhân, tổ chức cố tình trốn tránh, cản trở thì thời hiệu được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.



## 4. Pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

### d. Thời hiệu xử lý vi phạm hành chính (Điều 6)

#### Thời hiệu xử phạt VPHC

- 1 năm
- 2 năm (các trường hợp ngoại lệ)

#### Thời hiệu áp dụng biện pháp xử lý hành chính

- 01 năm
- 6 tháng
- 3 tháng

## 4. Pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

### e. Chủ thể có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính

Chủ thể có thẩm quyền xử phạt và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả

- Chủ tịch UBND các cấp
- CAND: CSGT, CS trật tự, CS môi trường,
- Cảnh sát biển,
- Bộ đội biên phòng
- Hải quan,
- Kiểm lâm
- Cơ quan Thuế
- Quản lý thị trường
- Thanh tra
- Cảng vụ hàng hải, hàng không, đường thủy nội địa
- Tòa án nhân dân
- Cơ quan thi hành án Dân sự
- Cơ quan đại diện ngoại giao, lãnh sự, khác có chức năng lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài

Chủ thể có thẩm quyền áp dụng bộ phận xử lý hành chính

- Chủ tịch UBND cấp xã
- TAND cấp huyện

## A. XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

HÌNH THỨC XỬ PHẠT	LOẠI HÌNH THỨC
Cảnh cáo	Phạt chính
Phạt tiền	Phạt chính
Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn	Là hình thức xử phạt chính hoặc bổ sung
Tịch thu tang vật phương tiện	
Trục xuất	

*Mỗi vi phạm chỉ áp dụng 1 hình thức xử phạt chính và có thể áp dụng nhiều hình thức xử phạt bổ sung*

## a. Xử phạt Vi phạm hành chính

- ❖ Cảnh cáo: vi phạm hành chính không nghiêm trọng, có tình tiết giảm nhẹ và theo quy định thì bị áp dụng hình thức xử phạt cảnh cáo hoặc đối với mọi hành vi vi phạm hành chính do người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện.
- ❖ Phạt tiền: áp dụng mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực quản lý nhà nước. Cá nhân (từ 50.000đ → 1 tỷ đồng); Tổ chức (từ 100.000đ → 2 tỷ đồng).
- ❖ Tước quyền sử dụng giấy phép
- ❖ Tịch thu tang vật phương tiện
- ❖ Trục xuất: chỉ áp dụng đối với người nước ngoài

## a. Xử phạt Vi phạm hành chính

### Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính

- Việc xử phạt hành chính phải đúng thẩm quyền;
- Việc xử phạt phải đúng nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa;
- Chỉ xử phạt khi có hành vi vi phạm hành chính;
- Việc xử phạt phải tiến hành kịp thời, khách quan, công bằng;
- Một hành vi chỉ bị xử phạt một lần. Một người thực hiện nhiều hành vi thì xử phạt theo từng hành vi. Nhiều người cùng thực hiện một hành vi thì mỗi người đều bị xử phạt;

## a. Xử phạt Vi phạm hành chính

### Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính

- Không xử phạt hành chính trong tình thế cấp thiết, sự kiện bất ngờ, phòng vệ chính đáng, sự kiện bất khả kháng hoặc chủ thể không có năng lực trách nhiệm hành chính, chưa đủ tuổi. (Điều 11)
- Người có thẩm quyền xử phạt phải chứng minh vi phạm hành chính
- Mức phạt tiền của tổ chức bằng 2 lần mức phạt tiền đối với cá nhân

## **b. Biện pháp khắc phục hậu quả trong xử lý vi phạm hành chính**

1. Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;
2. Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép;
3. Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh;
4. Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện;
5. Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại;

## **b. Biện pháp khắc phục hậu quả trong xử lý vi phạm hành chính**

6. Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn;
7. Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm;
8. Buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa không bảo đảm chất lượng;
9. Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật;
10. Các biện pháp khắc phục hậu quả khác do Chính phủ quy định



## b. Biện pháp khắc phục hậu quả trong xử lý vi phạm hành chính

### Nguyên tắc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả

- ❖ Đối với mỗi vi phạm hành chính, ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định nêu trên
- ❖ Biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng độc lập trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính

## c. Các biện pháp xử lý hành chính

### Các biện pháp xử lý hành chính:

1. Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.
2. biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng,
3. Biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc,
4. Biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

## c. Các biện pháp xử lý hành chính

Thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử lý hành chính:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.
2. Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

## c. Các biện pháp xử lý hành chính

Nguyên tắc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính:

- Chỉ áp dụng đối với cá nhân
- Không áp dụng đối với người nước ngoài
- Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm, nhân thân người vi phạm và tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng
- Người có thẩm quyền áp dụng phải chứng minh vi phạm hành chính

Điều 3, 5

## *d. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện trong xử lý vi phạm hành chính*

- ❖ Cá nhân, tổ chức bị xử lý vi phạm hành chính có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với quyết định xử lý vi phạm hành chính.
- ❖ Cá nhân có quyền tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật trong xử lý vi phạm hành chính.

*Điều 15 Luật XLvi phạm hành chính 2012*

# Luật Khiếu nại

Khiếu nại là việc công dân, cơ quan, tổ chức hoặc CBCC theo thủ tục do Luật này quy định, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính của CQHCCN, của người có thẩm quyền trong CQHCCN hoặc quyết định kỷ luật cán bộ, công chức khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái PL, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình

# Luật Khiếu nại

Thời hiệu, thời hạn khiếu nại:

- ❖ Thời hiệu Khiếu nại: Trong 90 ngày kể từ ngày nhận/biết được QĐ hành chính hoặc hành vi HC.
- ❖ Thời hạn giải quyết: Không quá 30 ngày (vùng sâu, xa =45 ngày; tr/hợp phức tạp tối đa là 60ngày) kể từ ngày thụ lý đơn.

# Luật Tố cáo 2011

Luật này quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ; tố cáo và giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực; bảo vệ người tố cáo và quản lý công tác giải quyết tố cáo. (Điều 1)



# Các văn bản về phòng chống tham nhũng



1. Công ước của Liên hiệp quốc về phòng chống tham nhũng 2003 (Có hiệu lực tại Việt Nam kể từ ngày 18/9/2009)
2. Luật phòng, chống tham nhũng số 55/2005/QH11
3. Luật số 01/2007/QH11 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống tham nhũng, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 8 năm 2007;
4. Luật số 27/2012/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống tham nhũng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2013.
5. Nghị định số 59/2013/NĐ –CP Quy định chi tiết về một số điều của Luật phòng, chống tham nhũng

Điều 1 khoản 2, Luật Phòng, Chống tham nhũng 2012

*“Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi”*



1. Tham ô tài sản.
2. Nhận hối lộ.
3. Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản.
4. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nh/vụ, công vụ vì vụ lợi.
5. Lạm quyền trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi.
6. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác để trục lợi.
7. Giả mạo trong công tác vì vụ lợi.
8. Đưa hối lộ, môi giới hối lộ được th/hiện bởi người có chức vụ, quyền hạn để g/quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị or đ/phương vì vụ lợi.
9. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản của NN vì vụ lợi.
10. Những nhiễu vì vụ lợi.
11. Không thực hiện nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi.
12. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che cho người có hành vi vi phạm PL vì vụ lợi; cản trở, can thiệp trái PL vào việc kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án vì vụ lợi.

# THANK YOU!